

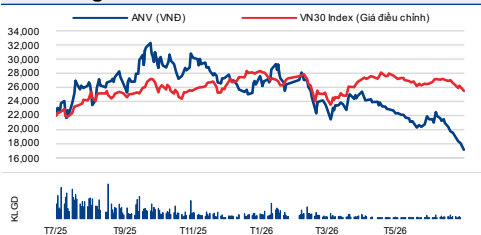
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ31,100
Tiềm năng tăng/giảm: 81.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/7/2026)	17,150
Mã Bloomberg	ANV VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,150-32,286
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	17,867
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	4,573
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	174
Slg CP lưu hành (tr.đv)	267
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	131
Slg CP NN được mua (tr.đv)	119
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	4.42%
Tỷ lệ freefloat	33.8%
Cổ đông lớn	Đoàn Tới (55.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	6,952	7,889	8,649
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,310	1,568	1,716
LNTT (tỷ đồng)	1,152	1,333	1,496
LNT ĐC (tỷ đồng)	999	1,066	1,197
FCF (tỷ đồng)	716	234	467
EPS ĐC (đồng)	3,748	3,998	4,487
DPS (đồng)	1,000	1,000	1,000
BVPS (đồng)	13,226	16,203	19,671
T.trưởng EBITDA (%)	384	19.7	9.44
T.trưởng EPS ĐC (%)	1,106	6.68	12.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	18.8	19.9	19.8
Tỷ suất LNTT (%)	16.6	16.9	17.3
Tỷ suất LNT ĐC (%)	14.4	13.5	13.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	26.7	25.0	22.3
Nợ thuần/VCSH (%)	46.4	28.8	23.7
ROAE (%)	31.6	27.2	25.0
ROACE (%)	36.1	35.2	31.4
EV/doanh thu (lần)	0.80	0.60	0.53
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.26	3.03	2.66
P/E ĐC (lần)	4.58	4.29	3.82
P/B (lần)	1.30	1.06	0.87
Lợi suất cổ tức (%)	5.83	5.83	5.83

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

ANV là nhà xuất khẩu cá tra lớn thứ ba Việt Nam. Công ty sở hữu một chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất TA cho cá đến nuôi cá và chế biến cá tra. ANV hiện tự sản xuất 100% cá nguyên liệu cho chế biến.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

KQKD kém tích cực, tỷ suất lợi nhuận bị thu hẹp

- Lợi nhuận thuần Q2/2026 kém tích cực, giảm 59,5% so với cùng kỳ xuống 135 tỷ đồng và thấp hơn dự báo 300 tỷ đồng của HSC, chủ yếu do tỷ suất lợi nhuận gộp thấp hơn dự kiến khi giá bán bình quân cá rô phi giảm và giá cá tra nguyên liệu tăng.
- Đà tăng trưởng xuất khẩu được duy trì với doanh thu xuất khẩu tăng 23,3% so với cùng kỳ nhờ xuất khẩu cá tra tăng 21% và xuất khẩu cá rô phi tăng 10% so với cùng kỳ.
- HSC đang xem xét lại các dự báo.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026

ANV công bố KQKD Q2/2026 kém tích cực với lợi nhuận thuần đạt 135 tỷ đồng, giảm 59,5% so với cùng kỳ mặc dù doanh thu thuần tăng 12,2% đạt 1.937 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần thấp hơn 45% so với dự báo của HSC, chủ yếu do tỷ suất lợi nhuận gộp thấp hơn dự kiến.

Trong nửa đầu năm 2026, lợi nhuận thuần giảm 29% so với cùng kỳ xuống 330 tỷ đồng trên doanh thu thuần tích cực 3.778 tỷ đồng, tăng 33,4% so với cùng kỳ. Kết quả này bằng lần lượt 48% và 31% dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần cả năm của HSC.

Xuất khẩu vẫn duy trì đà tăng trưởng

Trong Q2/2026, doanh thu xuất khẩu đạt 1.516 tỷ đồng (khoảng 56,2 triệu USD), tăng 23,3% so với cùng kỳ. Mặc dù ANV chưa công bố cơ cấu chi tiết theo sản phẩm nhưng dựa trên dữ liệu của Hải quan Việt Nam, chúng tôi ước tính doanh thu xuất khẩu cá tra đạt khoảng 40 triệu USD, tăng 21% so với cùng kỳ, trong khi xuất khẩu cá rô phi đạt khoảng 16,5 triệu USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ. Theo các ước tính này, cá tra vẫn là sản phẩm xuất khẩu chủ lực của công ty, chiếm khoảng 70% tổng giá trị xuất khẩu, trong khi cá rô phi đóng góp khoảng 30%.

Trong nửa đầu năm 2026, doanh thu xuất khẩu đạt 2.860 tỷ đồng (khoảng 106 triệu USD), tăng 40% so với cùng kỳ, nhờ xuất khẩu cá tra tăng 22,7% đạt 66 triệu USD và xuất khẩu cá rô phi ước tính tăng 77% so với cùng kỳ đạt 40 triệu USD.

ANV duy trì vị thế dẫn đầu về xuất khẩu cá rô phi của Việt Nam, chiếm khoảng 55% tổng giá trị xuất khẩu cá rô phi của cả nước trong nửa đầu năm 2026. Trong khi đó, xuất khẩu cá tra của ANV tăng 22,7% so với cùng kỳ, vượt đáng kể mức tăng trưởng bình quân 12,1% của toàn ngành trong cùng kỳ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026, ANV

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	1,726	1,937	12.2%	2,832	3,778	33.4%
Giá vốn hàng bán	(1,240)	(1,625)	31.1%	(2,122)	(3,140)	48.0%
Lợi nhuận gộp	486	312	-35.9%	710	638	-10.1%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	28.2%	16.1%		25.1%	16.9%	
Lỗ tài chính	(5)	(13)	168.0%	(18)	(15)	-14.8%
Chi phí BH&QL	(113)	(140)	24.8%	(181)	(227)	25.5%
Chi phí BH&QL/ doanh thu (%)	6.5%	7.3%		6.4%	6.0%	
Lợi nhuận HĐ	369	159	-56.9%	511	397	-22.4%
LNTT	370	163	-55.9%	514	400	-22.1%
Lợi nhuận thuần	333	135	-59.5%	465	330	-29.0%

Nguồn: ANV

Tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp do chi phí đầu vào tăng

Mặc dù doanh thu thuần tăng 12,2% so với cùng kỳ nhưng lợi nhuận gộp giảm 35,9% xuống 312 tỷ đồng, theo đó, tỷ suất lợi nhuận gộp giảm xuống mức 16,1%, so với 28,2% trong Q2/2025 và thấp hơn nhiều so với dự báo của HSC ở mức 20,2%.

HSC cho rằng tỷ suất lợi nhuận giảm mạnh do khả năng sinh lời của cả mảng cá tra và cá rô phi đều suy yếu. Đối với cá rô phi, HSC ước tính giá xuất khẩu bình quân trong Q2/2026 giảm 13-15% so với cùng kỳ. Trong khi đó, mặc dù giá bán bình quân cá tra tăng khoảng 7% so với cùng kỳ nhưng mức tăng này không đủ bù đắp mức tăng ước tính 8% của giá cá tra nguyên liệu, qua đó gây áp lực lên tỷ suất lợi nhuận gộp.

Trong nửa đầu năm 2026, tỷ suất lợi nhuận gộp giảm xuống mức 16,9%, so với 25,1% trong nửa đầu năm 2025.

Chi phí quản lý & bán hàng và chi phí tài chính tăng

Trong Q2/2026, chi phí quản lý & bán hàng tăng 24,8% so với cùng kỳ lên 140 tỷ đồng, cao hơn nhiều so với mức tăng 12,2% của doanh thu thuần. Theo đó, tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng trên doanh thu tăng từ 6,5% trong Q2/2025 lên 7,3%. Trong chi phí quản lý & bán hàng, chi phí bán hàng tăng 76,4% so với cùng kỳ lên 119 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí dịch vụ thuê ngoài tăng 72% lên 32 tỷ đồng và chi phí vận chuyển tăng 16% lên 56 tỷ đồng so với cùng kỳ.

Trong nửa đầu năm 2026, tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng trên doanh thu cải thiện nhẹ từ 6,4% trong nửa đầu năm 2025 xuống 6%, chủ yếu do tỷ lệ này trong Q1/2026 giảm xuống 4,7%, so với 6,2% cùng kỳ năm trước.

Trong khi đó, lỗ tài chính trong Q2/2026 tăng 168% so với cùng kỳ lên 13 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí lãi vay thuần tăng gấp đôi lên 36 tỷ đồng. Trong nửa đầu năm 2026, lỗ tài chính giảm 14,8% so với cùng kỳ xuống 15 tỷ đồng.

Xem xét lại dự báo

Do KQKD Q2/2026 thấp hơn dự kiến, lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2026 chỉ bằng 31% dự báo cả năm của HSC. Do đó, chúng tôi đang xem xét lại các dự báo của mình đối với ANV.

Sau khi giá cổ phiếu giảm lần lượt 20% và 33% trong 1 tháng và 3 tháng qua, ANV đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 12 tháng tới là 4,2 lần (dựa trên dự báo hiện tại của HSC), thấp hơn 0,6 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2022 ở mức 8 lần. Giá cổ phiếu suy yếu gần đây có thể phản ánh lo ngại ngày càng tăng về khả năng Brazil áp dụng các biện pháp hạn chế đối với cá rô phi nhập khẩu từ Việt Nam và KQKD Q2/2026 kém tích cực.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	4,911	6,952	7,889	8,649	9,498
Lợi nhuận gộp	560	1,623	1,946	2,119	2,333
Chi phí BH&QL	(366)	(451)	(536)	(588)	(646)
Thu nhập khác	(40.8)	2.37	0	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	153	1,175	1,410	1,531	1,687
Lãi vay thuần	(70.9)	(23.3)	(76.8)	(35.5)	(35.5)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(4.09)	0.77	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	78.5	1,152	1,333	1,496	1,651
Chi phí thuế TNDN	(30.1)	(153)	(267)	(299)	(330)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	48.4	999	1,066	1,197	1,321
Lợi nhuận thuần ĐC	48.4	999	1,066	1,197	1,321
EBITDA ĐC	271	1,310	1,568	1,716	1,833
EPS (đồng)	311	3,748	3,998	4,487	4,954
EPS ĐC (đồng)	311	3,748	3,998	4,487	4,954
DPS (đồng)	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	156	267	267	267	267
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	267	267	267	267	267
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	267	267	267	267	267

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	219	45.7	78.9	86.5	95.0
Đầu tư ngắn hạn	56.1	602	1,024	1,204	1,474
Phải thu khách hàng	552	1,258	896	1,115	1,331
Hàng tồn kho	1,653	1,422	2,338	2,900	3,377
Các tài sản ngắn hạn khác	105	149	181	187	208
Tổng tài sản ngắn hạn	2,586	3,476	4,517	5,493	6,486
TSCĐ hữu hình	1,286	936	928	864	887
TSCĐ vô hình	340	334	315	295	275
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	6.90	6.94	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	60.9	61.7	11.3	11.3	11.3
Tài sản dài hạn khác	583	1,010	383	491	653
Tổng tài sản dài hạn	2,277	2,348	1,637	1,662	1,826
Tổng cộng tài sản	4,862	5,825	6,154	7,155	8,312
Nợ ngắn hạn	1,624	1,600	1,200	1,200	1,200
Phải trả người bán	150	315	272	304	362
Nợ ngắn hạn khác	103	136	148	159	176
Tổng nợ ngắn hạn	1,941	2,231	1,743	1,819	1,926
Nợ dài hạn	111	53.2	88.2	88.2	88.2
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1.34	1.78	1.78	1.78	1.78
Nợ dài hạn khác	12.6	12.0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	124	67.0	90.0	90.0	90.0
Tổng nợ phải trả	2,065	2,298	1,833	1,909	2,016
Vốn chủ sở hữu	2,797	3,527	4,321	5,246	6,296
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	2,797	3,527	4,321	5,246	6,296
Tổng nợ phải trả và VCSH	4,862	5,825	6,154	7,155	8,312
BVPS (đ)	10,490	13,226	16,203	19,671	23,609
Nợ thuần/(tiền mặt)	1,516	1,608	1,209	1,202	1,193

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	153	1,175	1,410	1,531	1,687
Khấu hao	(117)	(135)	(159)	(185)	(146)
Lãi vay thuần	(70.9)	(23.3)	(76.8)	(35.5)	(35.5)
Thuế TNDN đã nộp	(30.1)	(153)	(267)	(299)	(330)
Thay đổi vốn lưu động	573	(227)	(716)	(716)	(606)
Khác	(13.9)	91.3	(144)	(96.6)	(93.5)
LCT thuần từ HKKD	728	998	365	569	768
Đầu tư TS dài hạn	(161)	(282)	(131)	(102)	(149)
Góp vốn & đầu tư	(88.5)	(865)	0	0	0
Thanh lý	29.4	23.1	0	0	0
Khác	109	327	44.6	48.9	53.0
LCT thuần từ HĐĐT	(111)	(797)	(86.7)	(52.9)	(95.8)
Cổ tức trả cho CSH	(108)	(266)	(267)	(267)	(267)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(199)	40.4	22.0	(241)	(397)
Khác	(131)	(150)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(438)	(375)	(245)	(508)	(664)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	39.7	219	45.7	78.9	86.5
LCT thuần trong kỳ	179	(174)	33.2	7.61	8.49
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.34	0.90	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	219	45.7	78.9	86.5	95.0
Dòng tiền tự do	568	716	234	467	619

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	11.4	23.3	24.7	24.5	24.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.51	18.8	19.9	19.8	19.3
Tỷ suất LNT (%)	0.99	14.4	13.5	13.8	13.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	38.3	13.3	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	10.6	41.5	13.5	9.64	9.81
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(14.2)	384	19.7	9.44	6.82
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	23.5	1,965	6.68	12.2	10.4
Tăng trưởng EPS (%)	2.34	1,106	6.68	12.2	10.4
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	2.34	1,106	6.68	12.2	10.4
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	322	26.7	25.0	22.3	20.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	1.71	31.6	27.2	25.0	22.9
ROACE (%)	5.17	36.1	35.2	31.4	28.8
Vòng quay tài sản (lần)	0.98	1.30	1.32	1.30	1.23
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	4.75	0.85	0.26	0.37	0.46
Số ngày tồn kho	139	97.4	144	162	172
Số ngày phải thu	46.3	86.2	55.0	62.3	67.8
Số ngày phải trả	12.6	21.6	16.7	17.0	18.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	55.4	46.4	28.8	23.7	19.6
Nợ/tài sản (%)	36.4	28.9	21.5	18.6	16.0
EBIT/lãi vay (lần)	2.17	50.5	18.4	43.1	47.5
Nợ/EBITDA (lần)	6.53	1.28	0.84	0.78	0.73
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.33	1.56	2.59	3.02	3.37
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.23	0.80	0.60	0.53	0.45
EV/EBITDA ĐC (lần)	22.3	4.26	3.03	2.66	2.34
P/E (lần)	55.2	4.58	4.29	3.82	3.46
P/E ĐC (lần)	55.2	4.58	4.29	3.82	3.46
P/B (lần)	1.63	1.30	1.06	0.87	0.73
Lợi suất cổ tức (%)	5.83	5.83	5.83	5.83	5.83

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn